TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------=---------

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 16-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Danh Sử.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Lê Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 20/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 02/4/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên Bùi Đình Đ, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị M; Có vợ Hoàng Thị T và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/12/2018, chuyển tạm giam ngày 15/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.

Lịch sử bản thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2008/HSST ngày 29/02/2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 08 (Tám) năm tù giam về tội Giết người.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
- Anh Trần Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Đình Đ là người nghiện ma túy. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, Đ một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO Biển kiểm soát 35H1-7690 từ nhà đến xã Đ, huyện N để tìm mua Heroine về sử dụng. Khi Bùi Đình Đ đi đến khu vực ngã tư Đ thuộc địa phận thôn P, xã Đ thì gặp một người nam giới (Đắc không biết tên, tuổi, địa chỉ) đang đứng ở bên đường, Đ điều khiển xe mô tô đến gần người nam giới và hỏi "Anh có hàng không để cho em một trăm" - Ý Đ hỏi mua Heroine của người nam giới với giá 100.000 đồng, người nam giới đồng ý và nói "Có". Bùi Đình Đ lấy 100.000 đồng đưa cho người nam giới, người nam giới cầm tiền rồi đưa lại cho Đ 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng, Bùi Đình Đ mở ra kiểm tra thì thấy đúng là Heroine nên Đ gói lại và cầm trên tay trái định đi tìm nơi sử dụng Heroine thì gặp Tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Công an xã Đ đang tiến hành nhiệm vụ tuần tra đi đến. Do sợ bị phát hiện cất giấu Heroine trên người nên Bùi Đình Đ đã ném gói Heroine từ trên tay trái xuống mặt đường chỗ Đ đang đứng thì bị Tổ công tác phát hiện bắt quả tang, yêu cầu Đ nhặt lên kiểm tra thì thấy bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, Bùi Đình Đ khai nhận đó là gói Heroine của Đ vừa mua về nhằm mục đích sử dụng **(BL 150-168)**. Tổ công tác đã thu giữ 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng bên trong có chất bột dạng cục màu trắng của Bùi Đình Đ. Ngoài ra Tổ công tác còn thu giữ của Bùi Đình Đ 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35H1-7690 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL **(BL 38-42)**.

Cân xác định khối lượng chất bột dạng cục màu trắng chứa trong 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng thu giữ của Bùi Đình Đ có khối lượng 0,16 gam ký hiệu M để gửi trưng cầu giám định về khối lượng và loại chất ma túy **(BL 43-44)**.

Tại bản kết luận giám định số 38/KLGĐ-PC09-MT ngày 14/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: *"Mẫu chất bột dạng cục mầu trắng ký hiệu M gửi giám định có khối lượng 0,1548 (không phẩy một nghìn năm trăm bốn mươi tám) gam là ma túy, loại Heroine"*.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên; Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định

truy tố của Viện kiểm sát; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSNQ-HS ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Bùi Đình Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Bùi Đình Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đình Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 12/12/2018.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy 0,0888 (không phẩy không nghìn tám trăm tám mươi tám) gam Heroine còn lại Cơ quan điều tra thu giữ của Bùi Đình Đ và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 38/KLGĐ-PC09-MT; 01 phong bì niêm phong các vỏ gói ban đầu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố cụ thể như sau: Bị cáo là người nghiện ma túy nên để có ma túy sử dụng cho bản thân, khoảng 16 giờ ngày 12/12/2018, tại khu vực ngã tư Đ thuộc khu vực thôn P, xã Đ bị cáo mua của một người nam giới không quen biết 01 gói ma túy có khối lượng 0,1548 gam Heroine được gói ngoài bằng

giấy bạc màu vàng với giá 100.000 đồng nhưng chưa kịp sử dụng thì tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Công an xã Đ phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định số 38/KLGĐ-PC09-MT ngày 14/12/2018 và các chứng cứ, tài liệu có liên quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở pháp lý khẳng định bị cáo Bùi Đình Đ tàng trữ 0,1548 gam Heroine nhằm mục sử dụng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự thì *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"*. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Đình Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Hành vi tàng trữ 0,1548 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng của bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc quản lý các chất ma túy. Xét bản thân bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi mua ma túy của mình bị Nhà nước cấm,việc nghiện ma túy là tệ nạn xã hội nguy hiểm mà cộng đồng đang ra sức lên án và loại trừ bởi ma túy ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, ảnh hưởng đến kinh tế, sự phát triển nòi giống, phá hoại hạnh phúc gia đình và là con đường lây nhiễm HIV phổ biến nhất hiện nay, đồng thời gây mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội như: Lừa đảo, trộm cắp…Bị cáo nhận thức được tác hại to lớn của ma túy như vậy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, mới có tác dụng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung đồng thời giúp bị cáo có thời gian cải tạo rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Trong vụ án này, kết quả điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người đã bán ma túy cho bị cáo nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy tàng trữ nhằm sử dụng không nhằm mục đích kiếm lời. Mặt khác, bị cáo không có tài sản gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO Biển kiểm soát 35H1-7690 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn T ở thôn Y, xã Y, huyện N. Anh T không biết việc Bùi Đình Đ mượn chiếc xe mô tô của mình để đi mua ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh T là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL lắp sim thuê bao số 0787470162 là tài sản hợp pháp của Bùi Đình Đ không liên quan đến việc phạm tội, Bùi Đình Đ đã ủy quyền cho anh Bùi Văn T (anh trai của Đ) nhận lại tài sản trên. Sau khi nhận lại tài sản anh Thuật không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Đối với 0,0888 (không phẩy không nghìn tám trăm tám mươi tám) gam Heroine còn lại Cơ quan điều tra thu giữ của Bùi Đình Đ thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 38/KLGĐ-PC09-MT; 01 phong bì niêm phong các vỏ gói ban đầu không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã Yên Quang là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Đình Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình Đ 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 12/12/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,0888 (không phẩy không nghìn tám trăm tám mươi tám) gam Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 38/KLGĐ-PC09-MT; 01 phong bì niêm phong các vỏ gói ban đầu.

(Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Đình Đ.

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *CA huyện N;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu./.*